CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Nước Thủ Dầu Một

Ngày 31/12/2024	49,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.2%	**5.1%**	**4.3%**

DT thuần
Q4/24
145
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.0| 36.4%
YoY: ▼47.0| -24.7%

LN thuần
Q4/24
64.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.20| 3.6%
YoY: ▲ 16.4| 34.5%

LN sau thuế
Q4/24
57.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 0.3%
YoY: ▲ 14.1| 32.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
43.1%
YoY: +/-▼ 17.3%

ROE
2024
9.0%
YoY: +/-▼ 4.9%

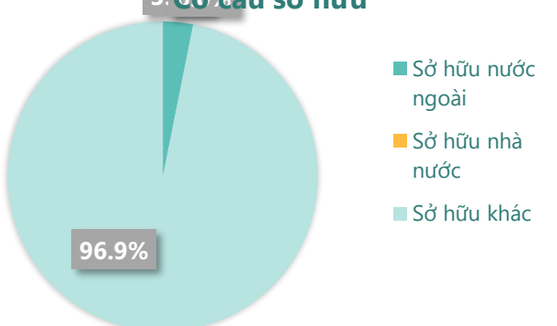
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	38,866 - 49,970
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,478
Số lượng CPLH (CP)	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	189,343
Sở hữu nước ngoài	3.1%
Beta	(0.04)
EPS	1,858
P/E	26.8

DT thuần
2024
544
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 2.2%

LN thuần
2024
225
tỷ VNĐ
YoY: ▼77.0| -25.4%

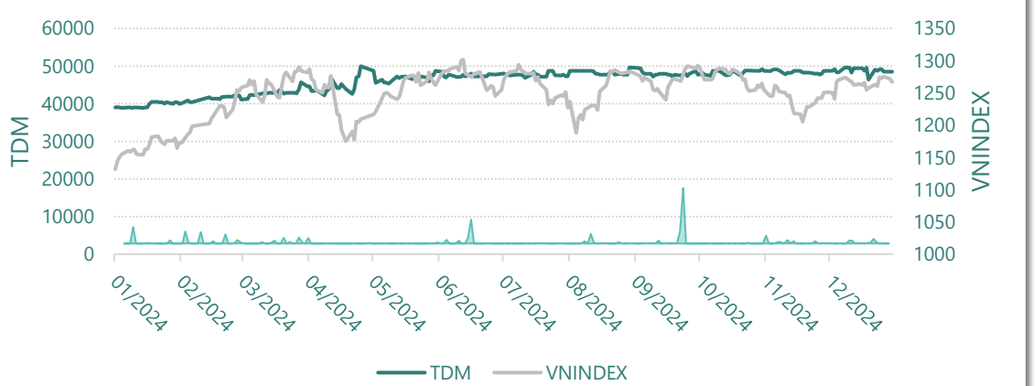
LN sau thuế
2024
204
tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0| -27.9%

Cơ cấu sở hữu

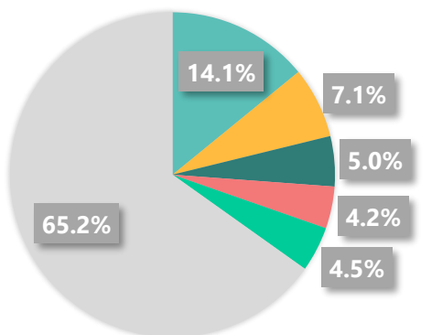


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

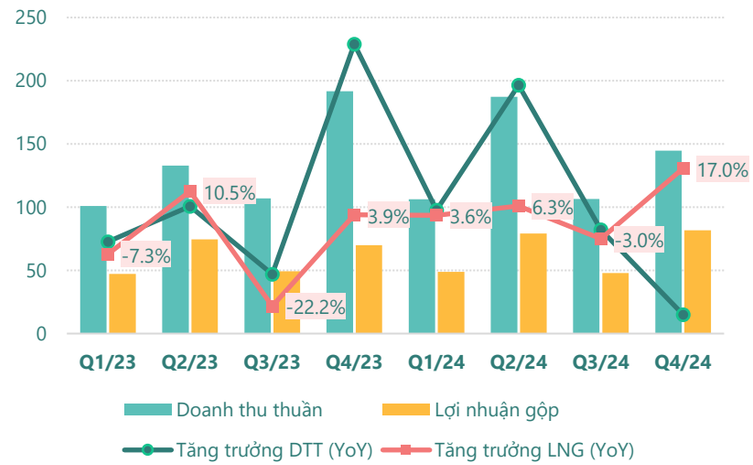


- CTCP Chứng Khoán Vietcap
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc
- Phạm Văn Chiến
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P
- CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

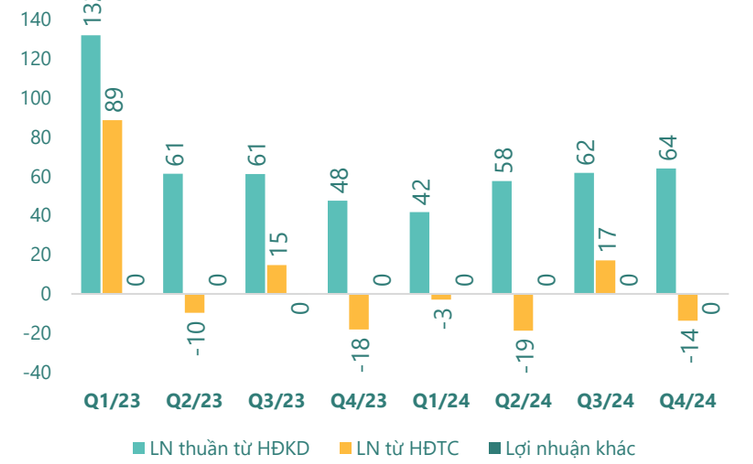
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



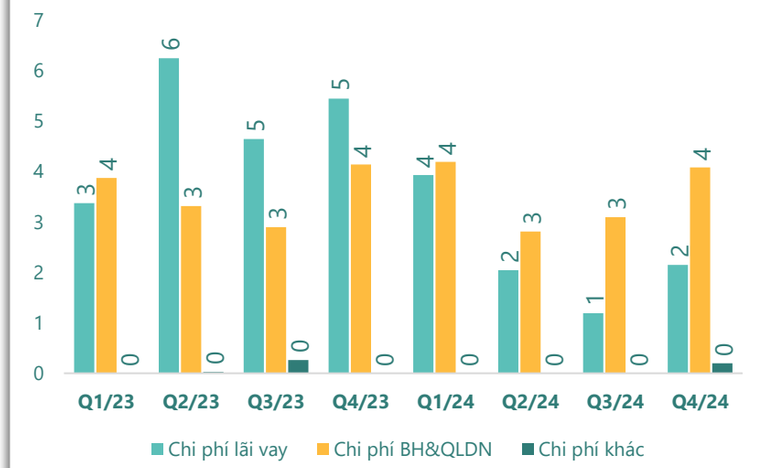
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



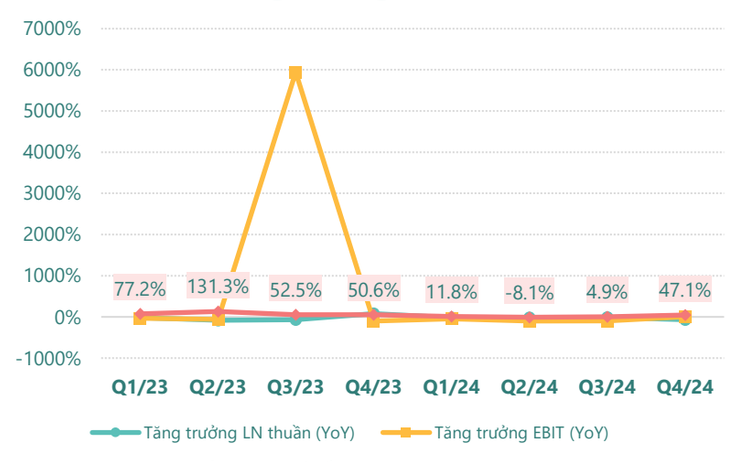
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



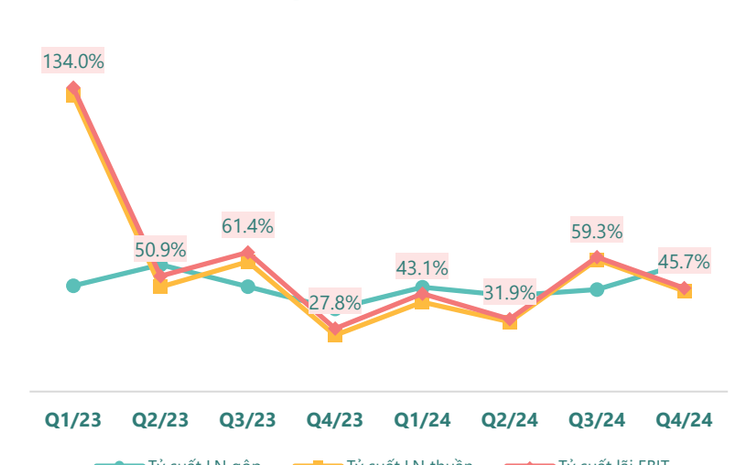
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



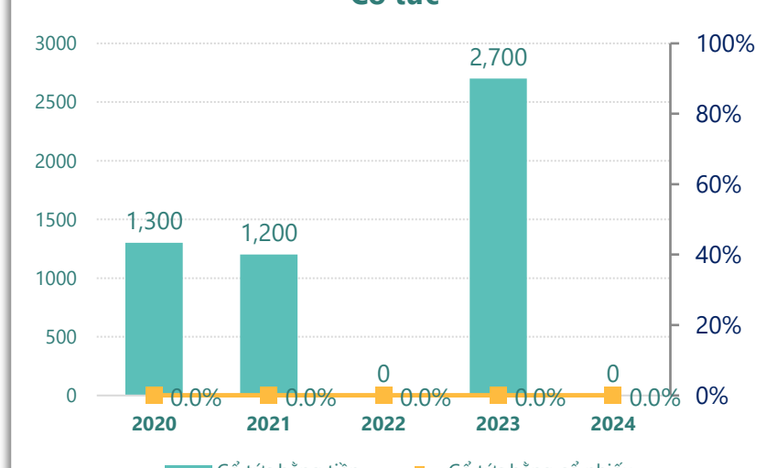
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

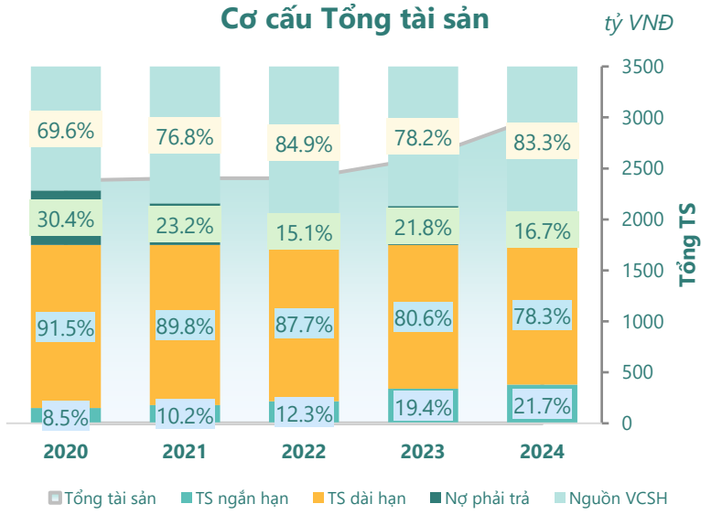
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

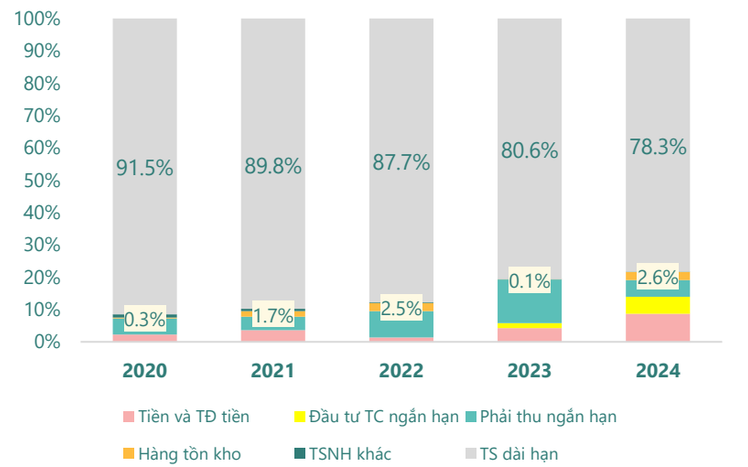
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



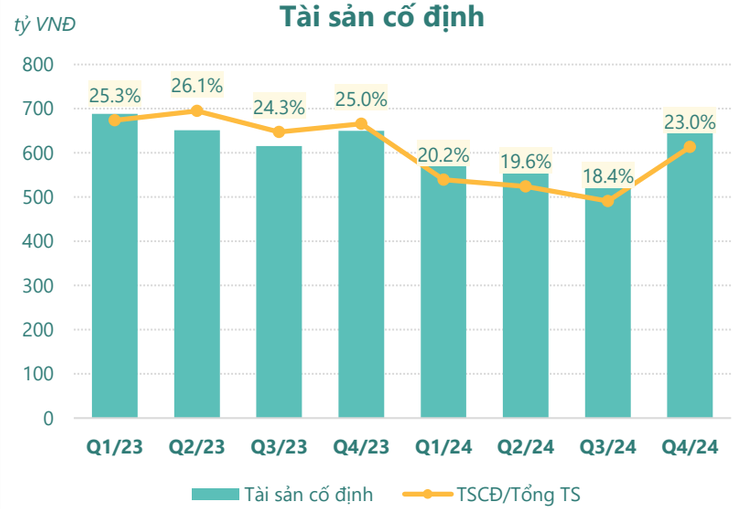
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



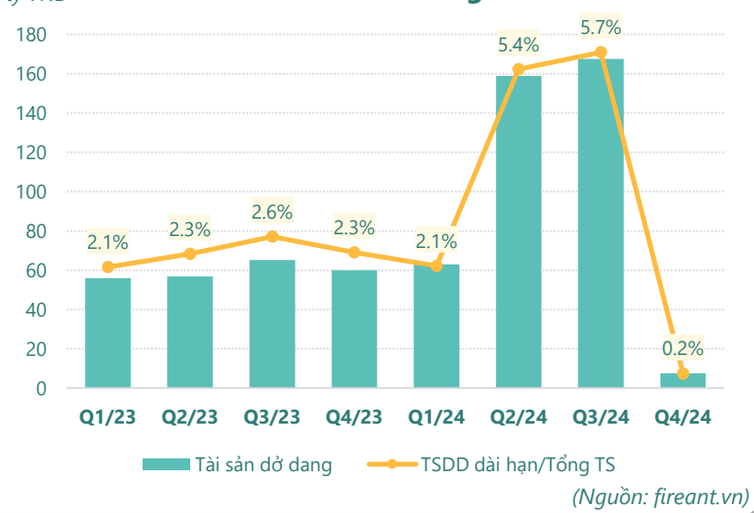
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



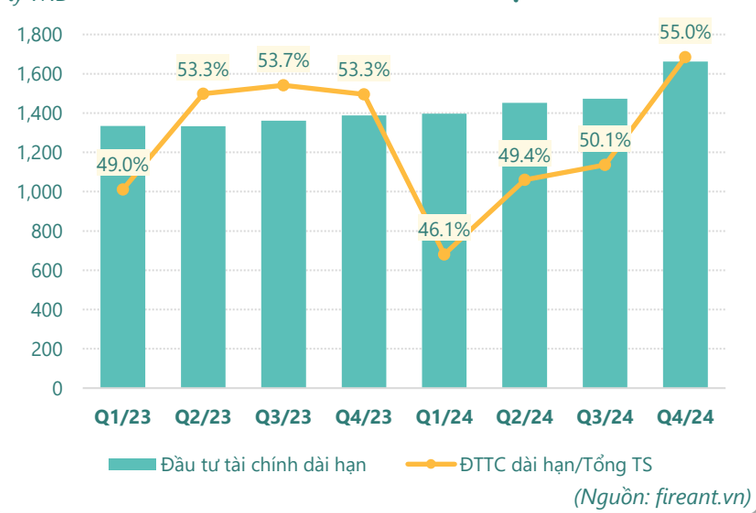
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



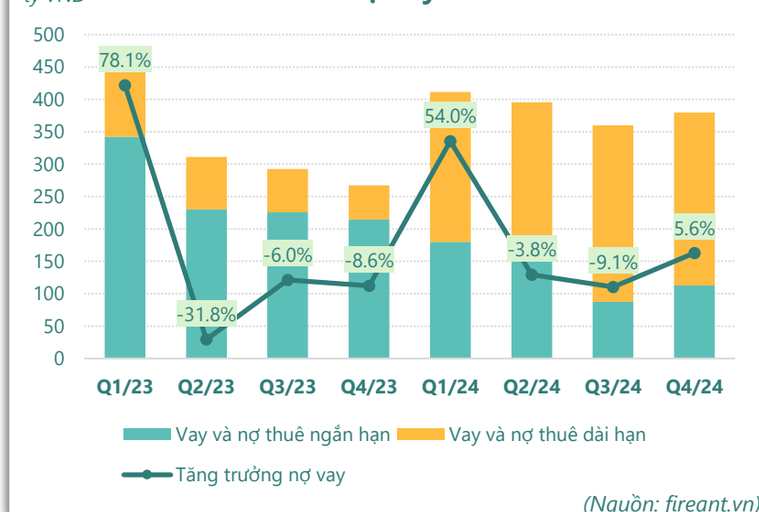
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

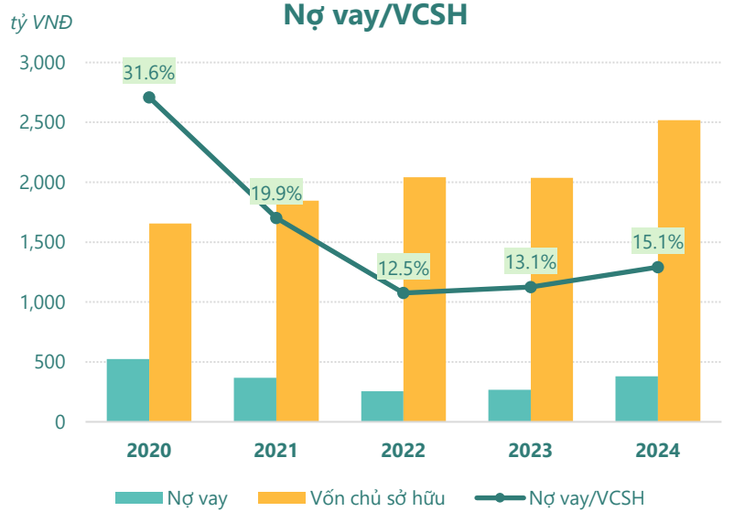
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

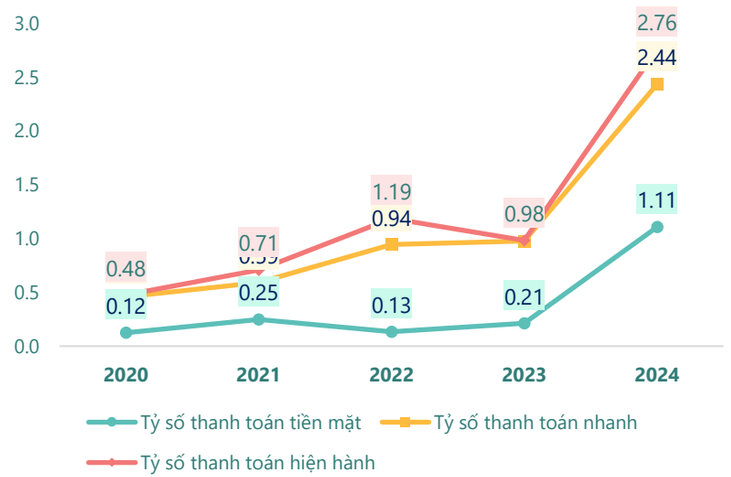
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



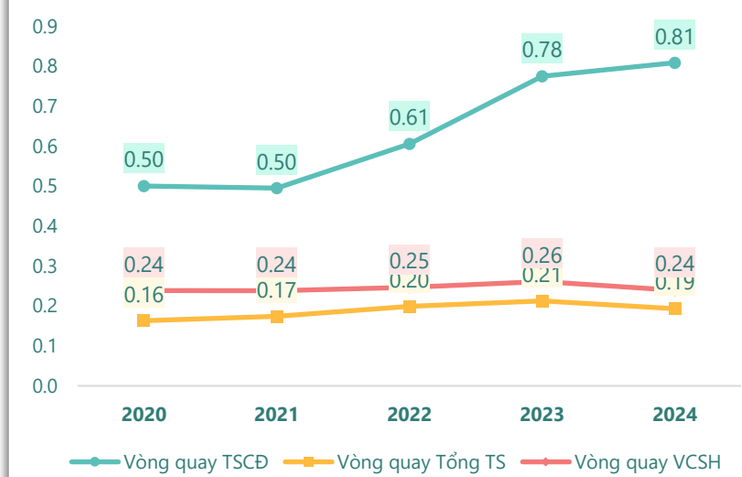
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



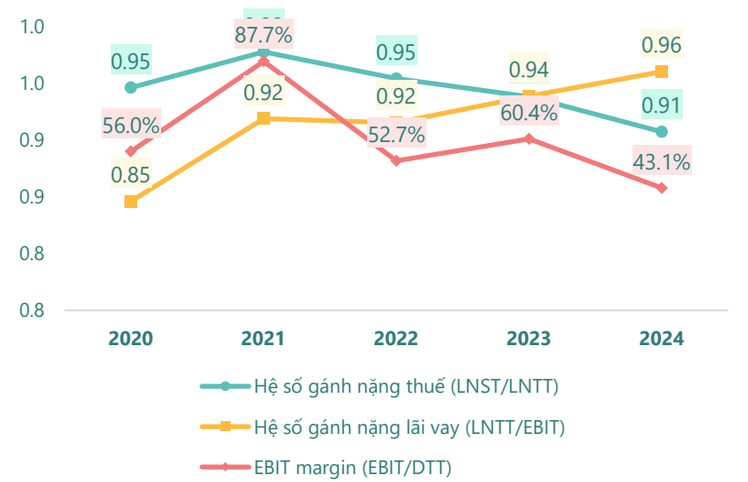
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



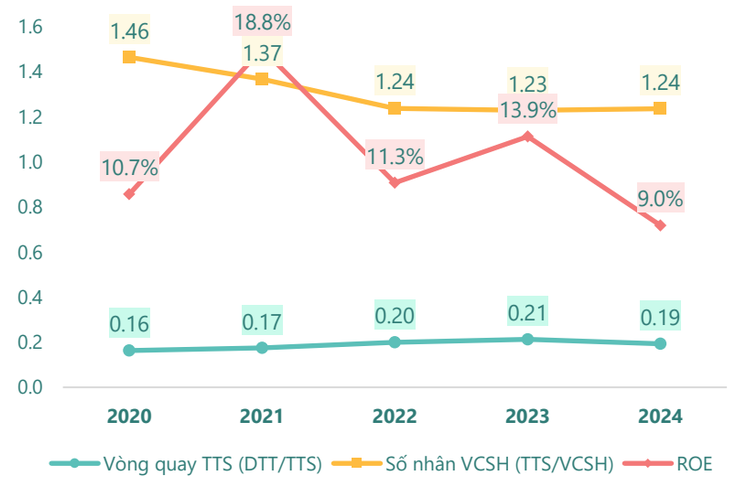
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



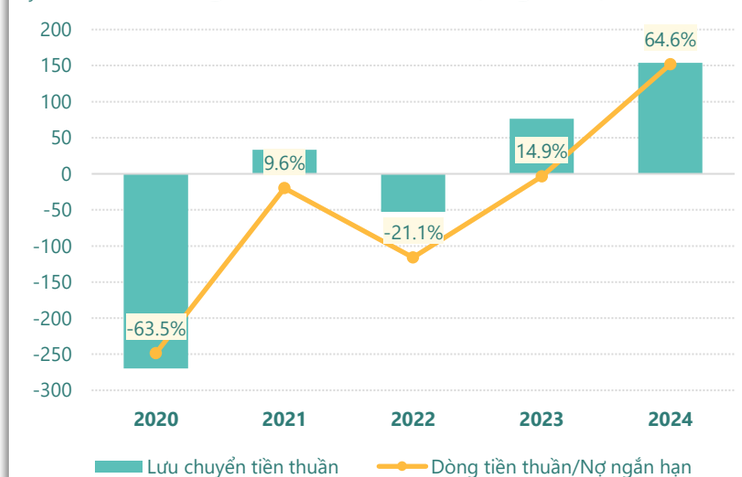
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**145**	**192**	**-24.7%**	**544**	**533**	**2.2%**
Giá vốn hàng bán	62.9	122	-48.5%	287	292	-1.7%
Lợi nhuận gộp	81.7	69.9	17.0%	258	241	7.0%
Doanh thu HĐTC	4.53	8.10	-44.0%	26.9	124	-78.3%
Chi phí TC	18.2	26.2	-30.6%	45.1	48.5	-6.9%
Chi phí lãi vay	2.15	5.45	-60.5%	9.33	19.7	-52.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.09**	**4.14**	**-1.3%**	**14.2**	**14.2**	**-0.3%**
LN thuần từ HĐKD	64.0	47.6	34.5%	225	302	-25.4%
Lợi nhuận khác	**-0.13**	**0.20**	**-166%**	**0.07**	**0.15**	**-54.9%**
LN trước thuế	63.9	47.8	33.6%	225	302	-25.4%
Lợi nhuận sau thuế	**57.6**	**43.5**	**32.4%**	**204**	**283**	**-27.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**57.6**	**43.5**	**32.4%**	**204**	**283**	**-27.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.0	171	-38.8	107	220	235
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-36.1	-111	-3.25	-99.0	-212	-318
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.7	-25.2	444	-164	-36.1	19.4
Tiền đầu kỳ	87.0	75.2	110	512	355	327
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.8**	**34.8**	**402**	**-156**	**-28.1**	**-63.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	75.2	110	512	355	327	264

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,024**	**2,603**	**16.1%**
Tài sản ngắn hạn	657	505	30.1%
Tiền và tương đương tiền	264	110	140%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	157	40.0	292%
Phải thu ngắn hạn	156	351	-55.5%
Hàng tồn kho	77.3	2.06	3657%
Tài sản ngắn hạn khác	2.93	2.10	39.6%
Tài sản dài hạn	**2,366**	**2,098**	**12.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	696	650	7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.48	60.0	-87.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,662	1,387	19.8%
Tài sản dài hạn khác	**0.48**	**1.01**	**-52.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	505	567	-10.8%
Nợ ngắn hạn	**238**	**515**	**-53.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	215	-47.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.57	52.4	-87.5%
Nợ dài hạn	267	52.3	411%
Vay và nợ thuê dài hạn	267	52.3	411%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,518**	**2,037**	**23.6%**
Vốn chủ sở hữu	**2,518**	**2,037**	**23.6%**
Vốn điều lệ	1,100	1,000	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)